

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: **122/2022/HS-ST**

Ngày: 05 - 7 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông TRẦN VĂN CHINH

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà VÕ KIM HƯỜNG

2. Bà PHẠM THỊ NHUNG

- Thư ký phiên tòa: Bà NGUYỄN KIỀU OANH, Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà TRẦN THỊ LAN - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử hình sự Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2022/QĐXXST – HS ngày 22 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

PHẠM MINH D; giới tính: Nam; sinh năm: 1994; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; thường trú: 85D/25B H, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Phạm Văn H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1972; Anh, chị, em ruột: không; vợ, con: Chưa có; nhân thân: Ngày 20/4/2018 bị Tòa án nhân dân Quận 6 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 126/QĐ-TA với thời hạn 12 tháng. Đến ngày 13/3/2019 đã chấp hành xong; tiền sự: Ngày 07/10/2019 bị Tòa án nhân dân Quận 6 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 240/QĐ-TA với thời hạn 15 tháng. Đến ngày 08/11/2020 đã chấp hành xong; tiền án: Không; tạm giữ: 05/5/2021; tạm giam: 10/5/2021 – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 00 phút, ngày 04/5/2021 Phạm Minh D đi xe ôm đến khách sạn Đ, địa chỉ 149/B8-B9 L, phường T, quận T để gặp bạn là Lưu Hoài P. Khi đến khách sạn, Phạm Minh D vào quầy lễ tân xin lên phòng 302 để gặp Lưu Hoài P như đã hẹn. Tại đây, D chuyển trả cho P số tiền 1.000.000 đồng qua ví điện tử Momo đăng ký số điện thoại 0777244879 của Lưu Hoài P mà trước đây D đã nợ P. Sau đó, P đi ra ngoài còn một mình D trong phòng. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, P gửi hình ảnh cho D qua ứng dụng Zalo một gói nylon chứa tinh thể không màu trên cân điện tử qua ứng dụng Zalo nhờ D lưu vào điện thoại của D và dặn D xóa tin nhắn Zalo giữa D với P. D lưu hình và xóa tin nhắn trong ứng dụng Zalo như P dặn.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút, P gọi điện thoại cho D kêu ra khu vực bên hông tiệm Bách hóa xanh đường L, phường H, quận T gặp P. D đi bộ ra điểm hẹn gặp P, lúc này P đưa cho D 01 gói nylon màu trắng bên trong có 01 hộp giấy đựng 01 gói nylon màu đen đựng 01 gói giấy bên trong có 01 gói nylon ghi chữ “GIFT” đựng 01 gói nylon chứa ma túy nói mang lên phòng 302 khách sạn Đ giùm P. D hỏi cái gì vậy thì P nói cứ mang lên phòng giùm đi vì P chở bạn gái đi công việc. D đồng ý, sau đó cầm gói nylon màu trắng bên trong có ma túy đi bộ đến trước khách sạn thì bị Công an phường T kiểm tra bắt quả tang cùng tang vật đưa về trụ sở để làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Phạm Minh D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập. Ngoài ra, D khai khi P đưa gói nylon, D biết bên trong có ma túy vì bản thân D đã mua ma túy của P được 02 lần, mỗi lần mua 01 gói giá 200.000 đồng để sử dụng và do trước đó P có gửi hình ảnh gói ma túy qua điện thoại cho D xem và lưu lại. Mặt khác, do được P cho mượn tiền để chuộc xe máy và hiện tại đang thiếu tiền của P. Đồng thời, D thấy đoạn đường từ chỗ P đưa gói nylon chứa ma túy cho D mang về khách sạn ngắn nên D chủ quan Công an sẽ không phát hiện vì vậy D đồng ý cầm gói ma túy lên phòng giùm cho P. Khi đến trước khách sạn, D thấy Công an nên quay ra bỏ đi vì bản thân D có sử dụng ma túy và đang cầm gói ma túy, nhưng bị Công an phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Lưu Hoài P khai quen biết với D khi đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy Số 1, tỉnh Đắk Nông, P thừa nhận có thuê phòng 302 khách sạn Đồng Tiến từ ngày 01/5/2021 để lưu trú. Ngày 04/5/2021, Phạm Minh D có đến phòng 302 khách sạn Đồng Tiến để gặp P. Tại đây, D có chuyển tiền trả nợ cho P qua ví điện tử Momo, đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, P ra ngoài đi ăn cùng bạn gái chỉ còn mình D tại phòng. Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, P quay về khách sạn thì thấy có nhiều Công an đang đứng trước khách sạn, do bản thân P có sử dụng ma

túy nên P không dám đi vào mà đi qua phòng trọ của bạn gái tại số 302/69 L, phường T, quận Bình Tân ở. Việc D tàng trữ trái phép chất ma túy P không biết và cũng không liên quan.

Theo kết luận giám định số 2986/KLGD-H ngày 12/5/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh: Tinh thể không màu ký hiệu mẫu m cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng: 2,6031gram, loại Ketamine.

Vật chứng thu giữ:

- 01 gói niêm P số 2986/21(768) bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Phan Hoàng Trạc và Điều tra viên Lê Duy Hòa.

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh (bể màn hình); số imei: Không thể hiện bên ngoài thân máy. D sử dụng lưu hình ảnh gói ma túy.

Các vật chứng trên hiện đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số: 85/PNK ngày 24/6/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Minh D đã thừa nhận hành vi phạm tội và khai nhận như bản cáo trạng đã nêu.

Tại Bản cáo trạng số 166/CT-VKSQ.TP ngày 20 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Minh D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay cũng như xem xét các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Minh D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự đồng thời đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù giam.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Đối với Lưu Hoài P, đã tiến hành làm việc nhưng ngoài lời khai của Phạm Minh D thì không còn chứng cứ nào khác xác định số ma túy thu giữ là do P nhờ D mang lên phòng 302 khách sạn Đồng Tiến dùm P. Mặt khác, ngoài lời khai của D cũng không có chứng cứ xác định việc P bán ma túy cho D 02 lần nên chưa đủ cơ sở để xử lý P về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và tội mua bán trái phép chất ma túy.

Bị cáo Phạm Minh D nói lời sau cùng: Bị cáo hối hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xét xử cho bị cáo một mức án nhẹ để có cơ hội sửa sai và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với bản kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng, cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/5/2021, tại trước khách sạn Đ số 149/B8-B9 L, phường T, quận T, Phạm Minh D có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng 2,6031gram loại Ketamine. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Nhận thức được hành vi bị pháp luật cấm và tác hại to lớn của ma túy như vậy nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thể hiện sự thiếu ý thức tôn trọng và chấp hành luật pháp ở bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không có; bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để chữa bệnh nhưng bị cáo không sửa đổi, đây là tình tiết đáng lưu ý khi lượng hình.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm P số 2986/21(768) bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Phan Hoàng Trạc và Điều tra viên Lê Duy Hòa sẽ được tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh (bể màn hình); số imei: Không thể hiện bên ngoài thân máy. D sử dụng lưu hình ảnh gói ma túy sẽ được tịch thu sung quỹ.

Các vật chứng trên hiện đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số: 85/PNK ngày 24/6/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng nộp phạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Phạm Minh D 02 (hai) năm tù giam.

Thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2021.

Miễn khoản tiền phạt bổ sung cho bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm P số 2986/21(768) bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Phan Hoàng Trạc và Điều tra viên Lê Duy Hòa.

Tịch thu sung quỹ 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh (bể màn hình); số imei: Không thể hiện bên ngoài thân máy.

(Tình trạng vật chứng theo Phiếu nhập kho vật chứng số 85/PNK ngày 24/6/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo;

- Công an quận T;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PC27 CATP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Trần Văn Chính